

## UNIT 2. DAYS

### CLIL: Geography (Time zones) – Unit 2 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus

**1. Check the meanings of the words in the box. Read the text and match the words to numbers 1-7 on the map.**

*(Kiểm tra nghĩa của các từ trong khung. Đọc bài và nối các từ với số 1-7 trên bản đồ.)*

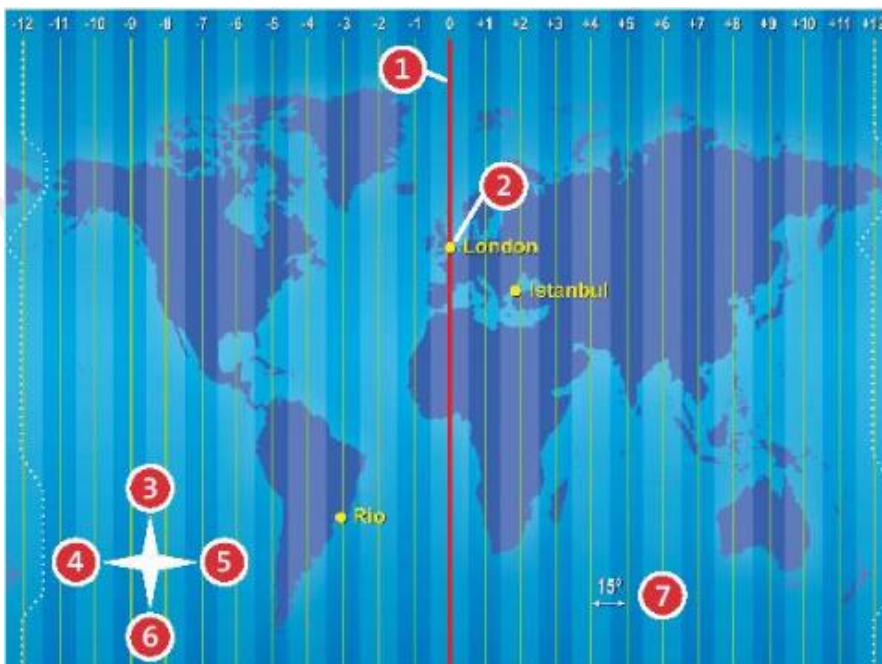
longitude	Prime Meridian	Greenwich Mean Time
east	west	north
	north	south

#### Time zones

Time zones help us know what time it is in different parts of the world. This is because when the Earth rotates, the sun shines on only one part of the Earth, so when it's the morning in your country, it's night-time in another country.

The Earth has got twenty-four time zones. The lines for each time zone go from north to south. These are called lines of longitude. The line on the map at  $0^\circ$  longitude is called the Prime Meridian. This line goes through Greenwich, in London. The time there is called Greenwich Mean Time (GMT).

The Earth rotates  $15^\circ$  of longitude every hour ( $24 \times 15^\circ = 360^\circ$ ). Places east of the Prime Meridian are ahead of GMT. For example, Istanbul is about  $30^\circ$  east of the Prime Meridian, so the time there is GMT plus two hours. Places west of the Prime Meridian are behind GMT. For example, Rio is about  $45^\circ$  west of the Prime Meridian, so the time there is GMT minus three hours. So when it is 12 p.m. in London, it is 2 p.m. in Istanbul and 9 a.m. in Rio.



**Phương pháp:**

- longitude (n): kinh độ
- Prime Meridian: kinh tuyến gốc
- Greenwich Mean Time: giờ GMT
- east (n): đông
- west (n): tây
- north (n): bắc
- south (n): nam

**Tạm dịch bài đọc:****Múi giờ**

Múi giờ giúp chúng ta biết mấy giờ ở các vùng khác nhau trên thế giới. Điều này là do khi Trái Đất quay, mặt trời chỉ chiếu sáng ở một phần của Trái Đất, vì vậy khi đó là buổi sáng ở quốc gia của bạn, thì lại là ban đêm ở quốc gia khác

Trái Đất có 24 múi giờ. Các đường cho mỗi múi giờ đi từ bắc xuống nam. Chúng được gọi là các đường kinh độ. Đường trên bản đồ ở kinh độ  $0^\circ$  được gọi là Kinh tuyến gốc. Đường này đi qua Greenwich, ở Luân Đôn. Thời gian ở đó được gọi là Giờ chuẩn Greenwich (GMT).

Trái Đất quay  $15^\circ$  kinh độ mỗi giờ ( $24 \times 15^\circ = 360^\circ$ ). Các địa điểm phía đông của Kinh tuyến chính đi trước GMT. Ví dụ, Istanbul cách Kinh tuyến gốc khoảng  $30^\circ$  về phía đông, do đó thời gian ở đó là GMT cộng thêm hai giờ. Các địa điểm phía tây của Kinh tuyến chính nằm sau GMT. Ví dụ, Rio nằm cách Kinh tuyến gốc khoảng  $45^\circ$  về phía tây, do đó thời gian ở đó là GMT trừ đi ba giờ. Vì vậy, khi nó là 12 giờ tối ở Luân Đôn, bây giờ là 2 giờ chiều ở Istanbul và 9 giờ sáng ở Rio.

**Hướng dẫn giải:**

1. Prime Meridian (kinh tuyến gốc)	2. Greenwich Mean Time (giờ chuẩn GMT)	3. north (phía bắc)	4. west (phía tây)	5. east (phía đông)	6. south (phía nam)	7. longitude (kinh độ)
---------------------------------------	---	------------------------	-----------------------	------------------------	------------------------	---------------------------

**2. Read and listen to the text and write True or False. Correct the false sentences.**

(Đọc và nghe văn bản và viết Đúng hoặc Sai. Sửa lại những câu sai.)

1. Lines of longitude go from east to west.
2. The Prime Meridian is the name of a time zone.
3. Greenwich is a part of London.

4. The time in places west of the Prime Meridian is ahead of GMT.

**Hướng dẫn giải:**

1. False	2. False	3. True	4. False
----------	----------	---------	----------

1. False (They go from north to south.)

(Các đường kinh độ kéo dài từ đông sang tây. => Sai: Các đường kinh độ kéo dài từ bắc xuống nam.)

2. False (The Prime Meridian is the line at 0° longitude.)

(Đường kinh độ gốc là tên của một múi giờ. => Sai: Đường kinh độ gốc là đường ở kinh độ 0°.)

3. True

(Greenwich là một phần của Luân Đôn.)

4. False (The time in places east of the Prime Meridian is ahead of GMT.)

(Giờ ở những nơi phía tây của kinh độ gốc trước giờ GMT. => Sai: Giờ ở những nơi phía đông của kinh độ gốc trước giờ GMT.)

**3. Look at the clocks and answer the questions.**

(Nhìn các đồng hồ và trả lời các câu hỏi.)



1. In which countries are cities 1-6?

2. Is New York ahead of or behind GMT?

3. How many hours ahead of GMT is Hà Nội?

4. How many hours behind GMT is Brasilia?

5. If it's 12 p.m. in London, what time is it in Brisbane?

6. You are in New York at 9p.m. Is it a good idea to call your friend in London? Why / Why not?

**Hướng dẫn giải:**

1. England, the USA, Spain, Brazil, Australia, Việt Nam.

(*Những thành phố 1-6 thuộc những quốc gia nào? – Anh, Mỹ, Tây Ban Nha, Bra-xin, Úc, Việt Nam.*)

2. It's behind.

(*New York ở phía trước hay sau giờ chuẩn GMT? – Phía sau.*)

3. It's seven hours ahead.

(*Hà Nội trước giờ chuẩn GMT bao nhiêu giờ? – Trước 7 giờ.*)

4. It's three hours behind.

(*Brasilia sau giờ chuẩn GMT bao nhiêu giờ? – Sau 3 giờ.*)

5. It's 10 p.m.

(*Nếu ở Luân Đôn là 12 giờ trưa thì ở Brisbane là mấy giờ? – 10 giờ tối.*)

6. No, because it's 2 a.m.

(*Em đang ở New York bây giờ là 9 giờ tối. Em có nên gọi điện thoại cho bạn ở Luân Đôn không? Tại sao/ Tại sao không? – Không nên, vì lúc này đang là 2 giờ sáng.*)

**4. USE IT! Work in pairs. Complete the table. Then ask and answer questions about the time in the different cities.**

(*Thực hành! Làm việc theo cặp. Hoàn thành bảng. Sau đó hỏi và trả lời các câu hỏi về thời gian (giờ) ở các thành phố khác nhau.*)

City	GMT + / -	Time
London	-	1 p.m.
Tokyo	+ 9 hours	
Mexico City		8 a.m.
Sydney		11 p.m.
Rio	- 3 hours	
Hà Nội	+ 7 hours	

**A:** Hi! I'm in London. Where are you?

(*Chào! Mình đang ở London. Bạn đang ở đâu?*)

**B:** I'm in Hà Nội.

(*Mình đang ở Hà Nội.*)

**A:** It's 1 p.m. in London. What's the time in Hà Nội?

(*Bây giờ ở London là 1 giờ chiều. Ở Hà Nội là mấy giờ?*)

**B:** It's 8 p.m.

(8 giờ tối.)

**Hướng dẫn giải:**

City	GMT + / -	Time
London	-	1 p.m.
Tokyo	+ 9 hours	<b>10 p.m.</b>
Mexico City	<b>- 7 hours</b>	8 a.m.
Sydney	<b>+ 10 hours</b>	11 p.m.
Rio	- 3 hours	<b>10 a.m.</b>
Hà Nội	+ 7 hours	<b>8 p.m</b>

A: **A:** Hi! I'm in Tokyo. Where are you?

(Chào! Mình đang ở Tokyo. Bạn đang ở đâu?)

**B:** I'm in Sydney.

(Mình đang ở Sydney.)

**A:** It's 10 p.m. in Tokyo. What's the time in Sydney?

(Bây giờ ở Tokyo là 1 giờ chiều. Ở Sydney là mấy giờ?)

**B:** It's 11 p.m.

(11 giờ tối.)